TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 5- 2022
"V/v tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Sô Tha.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
2. Ông Dương Văn Siêng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:* Ông Trầm Văn Mừng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị M, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số 284/GC ấp G, xã A, huyện B, tỉnh BT.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997(có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2022 và bản tự khai của nguyên đơn Chị Võ Thị M trình bày: Nguyên vào khoản năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và được sự chấp thuận của gia đình hai bên nên anh, chị có tổ chức lễ cưới và sống với nhau như vợ chồng cho đến ngày 14/8/2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N , huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm nên anh, chị sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị Ý làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 29/8/2014 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/8/2020. Từ khi ly thân đến nay cháu Nguyễn Minh Tr do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Nguyễn Minh T1 chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đồng ý để cháu Nguyễn Minh Tr cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm

sóc và chị không cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/8/2020 chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28 tháng 4 năm 2022 anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Võ Thị M tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 14/8/2017 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T. Sau cưới vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đến khoản tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cự cải nhau do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân đến nay.Từ lúc ly thân đến nay không bên nào tạo điều kiện hàn gắn, nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị Võ Thị M.

- Về con chung: Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 29/8/2014 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/8/2020. Anh T1 đồng ý để chị M tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh T1; anh tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh Tr và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Minh Tr trình bày: Nếu cha, mẹ ly hôn nguyên vọng của cháu được sống với cha và ông bà, nội.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Do bị đơn anh Nguyễn Văn Tcó nơi cư trú tại ấp V, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị M và anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh T đều trình bày vợ

chồng chung sống với nhau thường xuyên cự cải nhau do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên cả chị M và anh T đều thống nhất ly hôn vì vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ý theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 29/8/2014 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr muốn được sống chung với cha là anh T; giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/8/2020 cho chị Võ Thị M tiếp tục được nuôi dưỡng và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Chị Võ Thị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dung các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị M, cho chị Võ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Tr, sinh ngày 29/8/2014 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng (là phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr muốn được sống chung với cha) và giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 05/8/2020 cho chị Võ Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị M đã nộp tại biên lai

số 0009609 ngày 08/42022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKSND huyện Trà Cú;
-Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
-UBND xã Ngãi Xuyên;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Thị Tím – Ngô Thị Oanh Kiều

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Thị Sô Tha